

Bản án số: 342/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/12/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh.

Ông Nguyễn Hồng Phương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 30/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thụ lý số 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/10/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1998.

Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

* **Bị đơn:** anh SHENG CHUNXIAO (Thịnh Xuân H); sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Số F, C, thị trấn L, thành phố L, tỉnh Giang Tây, Cộng hòa nhân dân T2. (vắng mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh SHENG CHUNXIAO:*
ông Phan Công T1 và bà Nguyễn Thị V- Luật sư thuộc Công ty L (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 02/5/2024, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: chị và anh SHENG CHUNXIAO kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau và được Phòng dân chính tỉnh Tây Giang, Trung Quốc chứng nhận kết hôn số 1360000-001445 ngày 08/10/2019. Ngày 13/02/2023 chị được Ủy ban nhân dân huyện H cấp trích lục ghi chú kết hôn số 05/2023, ghi vào sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện H theo quy định. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống với nhau tại trung Q sau đó đến đầu tháng 8/2022 thì chuyển về sống với nhau tại thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau. Đến tháng 7/2023 thì hai bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng anh SHENG CHUNXIAO đã đưa con chung là Trung Quốc sinh sống và không liên lạc gì với chị nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh S CHUNXIAO.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu SHENG LI WEI, sinh ngày 16/11/2020 hiện nay cháu đang sống cùng anh SHENG CHUNXIAO. Ly hôn chị đề nghị giao cháu SHENG LI WEI cho anh SHENG CHUNXIAO nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con với số tiền là 5.000.000đồng/ 1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và SHENG CHUNXIAO.

Về phía bị đơn là anh S CHUNXIAO không có lời khai.

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ban hành văn bản ủy thác tư pháp số 04/UTTPDS-TA5 ngày 09/5/2024 gửi Bộ Tư pháp T2 về việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đối với anh SHENG CHUNXIAO theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã làm công văn gửi Bộ Tư pháp T2 cung cấp kết quả. Tuy nhiên, hết thời hạn thông báo Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không nhận được văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh SHENG CHUNXIAO và của Bộ Tư pháp T2. Ngay sau khi hoãn phiên tòa ngày 29/11/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiếp tục có văn bản đề nghị Bộ tư

phát 2 thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh SHENG CHUNXIAO theo quy định tại Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không nhận được kết quả. Anh SHENG CHUNXIAO cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là anh SHENG CHUNXIAO không có văn bản thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị T, anh SHENG CHUNXIAO cũng vắng mặt không có lý do trong quá trình Tòa án thông báo, triệu tập đến giải quyết vụ án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh SHENG CHUNXIAO đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện; bản tự khai của chị Nguyễn Thị T; tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh SHENG CHUNXIAO trình bày: qua trao đổi với anh SHENG CHUNXIAO, quan điểm của anh SHENG CHUNXIAO đồng ý ly hôn với chị T, về con chung anh SHENG CHUNXIAO đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu SHENG LI WEI, sinh ngày 16/11/2020 và đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị T cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con chung là 5.000.000đồng/1 tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. yêu cầu chị T phải cấp dưỡng một lần. Ông xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

-Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; về phía các đương sự thì chị Nguyễn Thị T chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn anh SHENG CHUNXIAO không chấp hành quy định của pháp luật.

-Về nội dung vụ án: xét mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 151; khoản 3 Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 5 Điều 477; khoản 3 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh SHENG CHUNXIAO.

Về con chung: Chị T và anh S CHUNXIAO có 01 con chung là cháu SHENG LI WEI, sinh ngày 16/11/2020. Hiện nay, cháu SHENG LI WEI đang ở

cùng với anh SHENG CHUNXIAO tại Trung Quốc. Ly hôn chị T đề nghị giao cháu SHENG LI WEI cho anh SHENG CHUNXIAO nuôi dưỡng, nên cần giao cháu SHENG LI WEI cho anh SHENG CHUNXIAO chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh SHENG CHUNXIAO số tiền 5.000.000đồng/1 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung và chi phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị T là công dân Việt Nam có địa chỉ tại thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh S CHUNXIAO. Anh SHENG CHUNXIAO là công dân có Quốc tịch: Trung Quốc, là bị đơn hiện đang sinh sống và làm việc tại Trung Quốc ở địa chỉ: Số F, C, thị trấn L, thành phố L, tỉnh Giang Tây, Cộng hòa nhân dân T2. Như vậy, Tòa án xác định đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về con chung” có đương sự là người nước ngoài, đang cư trú ở nước ngoài và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã ban hành văn bản tố tụng và gửi cho các đương sự về thời gian xét xử vụ án, đã được Bộ tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa T2 thực hiện ủy thác tư pháp cho anh SHENG CHUNXIAO. Chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh SHENG CHUNXIAO vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị T và anh S CHUNXIAO.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo như chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh SHENG CHUNXIAO kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện kết hôn năm 2019 tại Phòng dân chính tỉnh Tây Giang, số 1360000-001445 ngày 08/10/2019 tại Trung Quốc và có vào sổ đăng ký ghi chú kết số 05/TLGCKH ngày 13/02/2023 tại Ủy ban nhân dân

huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2022 vợ chồng chị về Việt Nam sinh sống, sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, phong cách sống và văn hóa sinh hoạt. Đến tháng 7/2023 anh S CHUNXIAO đưa cháu SHENG LI WEI quay về Trung Quốc, còn chị vẫn ở Việt Nam và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh S CHUNXIAO.

Hội đồng xét xử thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh SHENG CHUNXIAO kết hôn năm 2019 tại Trung Quốc. Sau đó đã vào sổ ghi chú việc kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam số 05/TLGCKH ngày 13/02/2023. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh S CHUNXIAO là hợp pháp và được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.

Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì chị T và anh SHENG CHUNXIAO về Việt Nam sinh sống, quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về công việc về phong tục tập quán và ngôn ngữ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Anh SHENG CHUNXIAO đã mang con chung về Trung Quốc còn chị T vẫn ở Việt Nam, do cuộc sống xa nhau nên vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình (Việt Nam) thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Nguyễn Thị T và anh S1 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh SHENG CHUNXIAO được xác định là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh SHENG CHUNXIAO.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh S CHUNXIAO có 01 con chung là cháu SHENG LI WEI, sinh ngày 16/11/2020. Ly hôn chị T đề nghị giao cháu SHENG LI WEI cho anh SHENG CHUNXIAO nuôi dưỡng.

Xét về yêu cầu về con chung của chị T thì thấy: Hiện nay cháu SHENG LI WEI đang sinh sống cùng anh SHENG CHUNXIAO tại Trung Quốc, chị T cũng đề nghị giao con chung cho anh SHENG CHUNXIAO trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần giao cháu SHENG LI WEI cho anh SHENG CHUNXIAO nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị

Nguyễn Thị T về nuôi con chung. Giao cho anh SHENG CHUNXIAO là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu SHENG LI WEI, sinh ngày 16/11/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T tự nguyện đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh SHENG CHUNXIAO số tiền 5.000.000đồng/1 tháng. Anh SHENG CHUNXIAO không có quan điểm trình bày, nhưng thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cũng đồng ý với mức cấp dưỡng như chị T đề nghị. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện chị T về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu SHENG LI WEI cho anh SHENG CHUNXIAO số tiền 5.000.000đồng/1 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 107,110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị T trình bày không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị T phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đồng.

[7]. **Về lệ phí ủy thác văn bản ra nước ngoài:** Căn cứ quy định tại Điều 151; khoản 3 Điều 153; Điều 154 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác văn bản ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong lệ phí ủy thác tư pháp văn bản ra nước ngoài.

Về chi phí ủy thác bản án ra nước ngoài: chị T không phải chịu chi phí ủy thác bản án ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Công văn số 154/TANDTC-HTQT ngày 26/6/2024 của Tòa án nhân dân tối cao.

[8]. **Quyền kháng cáo bản án:** các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 5, Điều 477; khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh SHENG CHUNXIAO.

2. Về con chung: giao cháu SHENG LI WEI, sinh ngày 16/11/2020 cho anh SHENG CHUNXIAO là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu SHENG LI WEI cho anh SHENG CHUNXIAO số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng)/1 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2024) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001186 ngày 08/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị T tiếp tục phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Về án phí ủy thác văn bản ra nước ngoài: Căn cứ quy định tại Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự: chị Nguyễn Thị T chịu 200.000 tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001187 ngày 08/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự

tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã thi hành xong lệ phí uỷ thác tư pháp văn bản ra nước ngoài.

Chị T không phải chịu chi phí uỷ thác bản án ra nước ngoài.

7. Về quyền kháng cáo:

Anh SHENG CHUNXIAO đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị T hiện đang lao động tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

